

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Án số: 140/2017/HSST
Ngày 07 tháng 9 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Trần Hồng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Nam Bình

2. Ông Vũ Tiến Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Tô Hồng Thái - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 07 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 133/2017/HSST ngày 14 tháng 8 năm 2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2017/ QĐXX - ST ngày 28/8/2017 đối với các bị cáo:

1. **Lê Văn H** - Sinh ngày 28/5/1995. Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh T; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân; con ông Lê Văn V và bà Trương Thị L; Chưa có vợ, con; *Tiền án, tiền sự:* Không; *Nhân thân:* Tháng 02/2014 đi nghĩa vụ quân sự đóng quân tại Sư đoàn 395, trung đoàn 43 đến tháng 7/2015 xuất ngũ về địa phương. Hiện đang là ủy viên ban chấp hành chi đoàn thôn T, xã H, huyện V, tỉnh T.

(Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa)

2. Phạm Xuân Đ - Sinh ngày 25/6/1995. Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh T; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân; con ông Phạm Văn M và bà Nguyễn Thị T; Bị cáo chưa có vợ, con; *Tiền án, tiền sự*: Không. *Nhân thân*: Tháng 02/2014 đi nghĩa vụ quân sự đóng quân tại Sư đoàn 395, trung đoàn 43 đến tháng 7/2015 xuất ngũ về địa phương. Hiện đang là Bí thư chi đoàn thôn T, xã H, huyện V, tỉnh T.

(Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa)

Người bị hại: Anh Nguyễn Thành L - Sinh năm 1991.

Trú tại: Thôn T, xã M, huyện Đ, tỉnh T.

(có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Văn M - Sinh năm 1969.

Trú tại: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh T.

(có mặt)

- Ông Lê Văn V - Sinh năm 1971.

Trú tại: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh T.

(có mặt)

- Bà Bùi Thị M - Sinh năm 1941.

Trú tại: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh T.

(có mặt)

- Anh Đặng Phát Đ - Sinh năm 1995.

Trú tại: Thôn L, xã H, huyện V, tỉnh T.

(vắng mặt)

Người làm chứng:

- Anh Vũ Văn T - Sinh năm 1972.

Trú tại: Thôn A, xã B, huyện K, tỉnh T.

(vắng mặt)

- Anh Nguyễn Văn H - Sinh năm 1983.

Trú tại: Thôn Đ, xã T, thành phố T, tỉnh T.

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN.

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn H và anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1991, trú tại thôn T, xã M, huyện Đ, tỉnh T đều là công nhân của công ty may ba lô túi xách TBS, khu công nghiệp S, thuộc thôn D, xã T, thành phố T, tỉnh T. Do hai bên có mâu thuẫn trong việc thanh toán tiền liên hoan nên khoảng 11 giờ 30 phút ngày 02/5/2017 anh Nguyễn Thành L thách thức Lê Văn H ra công công ty để giải quyết. H đồng ý. Sau đó H nhắn tin cho Phạm Xuân Đ (là bạn học và ở cùng thôn) với nội dung *“hôm nay ở công ty có thằng dọa đánh tao, lát tan ca mày chở thằng Đ đến công ty tao để đi xe tao về và mày cầm cho tao một con dao”*, Đ hiểu H nhờ cầm dao đến là để H đánh người đã dọa đánh H nên Đ đồng ý. Đến khoảng 13 giờ 30 phút, H nhắn tin cho anh Đặng Phát Đ, sinh năm 1995, trú tại thôn L, xã H, huyện V, tỉnh T (là bạn học cùng với H và Đ) với nội dung *“bạn ơi chiều có rồi không, xuống công ty tớ, bảo thằng Đ sang nhà tớ mượn cho con dao”*. Anh Đ hỏi lại *“bị sao vậy?”* H trả lời *“tôi bị một người trong công ty dọa đánh, anh ấy cũng hay bắt nạt người trong công ty”*. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, Đ vào bếp của gia đình lấy một con dao bằng kim loại màu xám dài khoảng 30 cm cật vào cốp xe máy Air Blade, biển số 17B2-230.27 rồi điều khiển xe máy đến nhà Đ. Khi gặp Đ, Đ nói *“H nó bảo tao có người dọa đánh nó, nó nhờ tao chở mày đến công ty đi xe nó về”*, Đ đồng ý và ngồi lên sau xe của Đ. Đ chở Đ đi đến công công ty may ba lô túi xách TBS, Đ dừng xe lại và nhắn tin cho H với nội dung *“bạn tao đến rồi”*, H gọi điện cho Đ nói *“đợi tý sắp về rồi”*. Đến khoảng 18 giờ 45 phút, sau khi hết giờ làm việc H lấy xe máy Yamaha Exciter, biển số 17B2-329.19 đi ra cổng thì gặp Đ và Đ đang đứng đợi ở lề đường cách cổng công ty khoảng 20 mét. H hỏi Đ *“dao đâu”*, Đ trả lời *“dao để trong cốp xe”* và mở cốp xe máy của mình ra. H lấy dao và dùng chiếc áo chống nắng của H cuốn dao lại và gọi điện cho anh L với nội dung *“thằng ch.. mày đang ở đâu đấy, mày ra chưa”*, anh L hỏi *“ai đấy”* H trả lời *“tao H đây”* rồi tắt máy. Khoảng 05 phút sau, do chưa thấy anh L ra nên H lại gọi điện cho anh L

nói “*thằng ch .. mày ra chưa, tao đang ở cổng đây*”. Đến khoảng 19 giờ, anh L lấy xe máy đi ra cổng thì nhìn thấy H, Đ và Đ đứng cách 20 mét, anh L dựng xe trước khu vực cổng Công ty rồi đi bộ quay lại cổng lấy một thanh sắt hộp vuông dài 1,3mét cầm ở tay phải tiến về phía H, cùng lúc này thì H tay phải cầm áo bọc dao bên trong cùng Đ và Đ đi về phía anh L. Khi hai bên đứng cách nhau khoảng 3mét, H nói “*mày thích gì, tao thích mày đánh đi*”, L nói “*tao thích chết*” thì anh Đ liền đứng vào giữa H và L giờ hai tay can ngăn nói “*anh em có gì thì từ từ giải quyết*”, bất ngờ L giờ thanh sắt lên vụt ngang trúng vào tai trái của H rồi lùi lại khoảng 1 đến 2 bước thì bị Đ nhặt $\frac{1}{2}$ viên gạch bê tông màu xám cầm trên tay phải ném vào vùng hông trái rồi lao vào dùng chân phải đạp vào người L, H tiến đến cầm dao bằng tay phải chém một nhát từ trên xuống dưới trúng vào mặt L. Thấy vậy, anh Đ tiếp tục can ngăn, L vụt thanh sắt hộp ở giữa cổng rồi chạy vào công ty, H dắt con dao vào chỗ để hàng ở xe máy của mình rồi chờ Đ đi về, Đ đi xe của Đ theo sau. Khi về tới cầu T, thị trấn V H dừng xe lại lấy dao vụt xuống sông K. Sau đó H, Đ cùng Đ đi về nhà. Anh L được đưa đi điều trị tại bệnh viện đa khoa tỉnh Thái Bình và điều trị thương tích đến ngày 12/5/2017 thì xuất viện.

Tại bản kết luận giám định số 37 ngày 10/5/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Thái Bình, giám định tỷ lệ thương tích cho anh Nguyễn Thành L kết luận: “*Đa chấn thương phần mềm vùng mặt do vật sắc gây lên. Đã được khâu cầm máu và nạn nhân đang được điều trị. Hiện tại còn đau tê rát các vết bị thương và ảnh hưởng đến thẩm mỹ. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 12% (mười hai phần trăm)*”.

Bản cáo trạng số 141/KSĐT ngày 14 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố các bị cáo Lê Văn H và Phạm Xuân Đ về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999). Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố theo cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Lê Văn H và Phạm Xuân Đ phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

- Áp dụng khoản 2, Điều 104; điểm b, p, khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20; Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015. Đề nghị HĐXX tuyên phạt: Bị cáo Lê Văn H mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Xử phạt bị cáo Phạm Xuân Đ mức án từ 12 tháng đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao các bị cáo Lê Văn H và Phạm Xuân Đ cho ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc ông Phạm Văn M (bố đẻ Phạm Xuân Đ) và ông Lê Văn V (bố đẻ Lê Văn H) và bà Bùi Thị M (mẹ đẻ anh Đặng Phát Đ) đã tự nguyện bồi thường cho anh Nguyễn Thành L tổng số tiền là 35.000.000 đồng theo sự thỏa thuận của hai bên, anh Nguyễn Thành L đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu gì khác.

- Về vật chứng vụ án:

- Đối với 01 thanh sắt hộp vuông kích thước cạnh hộp 1cm, dài 1,3m L sử dụng để đánh H và 01áo vải kẻ màu đỏ - đen trên cổ có gắn mác EVAS made in Việt Nam quản lý của H cần tịch thu để tiêu hủy.

- 01 điện thoại Iphone 5S màu vàng, đã qua sử dụng thu của Lê Văn H và 01 điện thoại Iphone 6 vỏ màu bạc, đã qua sử dụng thu của Phạm Xuân Đ là phương tiện các bị cáo đã sử dụng liên lạc để phạm tội, cần tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước.

- Trả lại cho anh Đặng Phát Đ 01 điện thoại di động Sam sung màu đen và trả lại cho anh Nguyễn Thành L 01 điện thoại Q mobile Q200 là phù hợp.

Ngoài ra đề nghị buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định .

Các bị cáo đồng ý với tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt và các vấn đề khác mà đại diện Viện kiểm sát đề xuất, không có ý kiến gì.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, các bị cáo trình bày lời nói sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa như đã khai trước cơ quan điều tra là lời buộc tội lẫn nhau phù hợp với lời khai của người bị hại là anh Nguyễn Thành L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ông Phạm Văn M, ông Lê Văn V; bà Bùi Thị M và lời khai anh Đặng Phát Đ (bút lục số 149 -158); lời khai của những người làm chứng anh Vũ Văn T (bút lục số 125-127); anh Nguyễn Văn H (bút lục số 128 -129). Được chứng minh bằng biên bản quản lý đồ vật, tài liệu (bút lục số 95 - 99); Bản kết luận giám định thương tích (bút lục số 75 -76); Bệnh án sao và các hóa đơn, chứng từ liên quan đến việc điều trị thương tích cho anh Nguyễn Thành L (bút lục số 56 - 74) cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Lê Văn H và Phạm Xuân Đ phạm tội "*Cố ý gây thương tích*". Tội phạm được quy định tại Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999.

Về hậu quả: Anh Nguyễn Thành L bị tổn thương cơ thể với tỉ lệ 12% do bị cáo Đ nhện ½ viên gạch bê tông màu xám cầm trên tay phải ném vào vùng hông trái rồi lao vào dùng chân phải đạp vào người L và bị cáo H cầm dao chém một nhát từ trên xuống dưới trúng vào mặt L; 01 con dao bằng kim loại màu

xám dài khoảng 30 cm để phạm tội được xác định là dùng hung khí nguy hiểm, bởi vậy cáo trạng truy tố các bị cáo theo khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999) là có căn cứ.

Trích dẫn Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

a) Dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người;

.....

2. Phạm tội gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm."

Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ hai năm đến sáu năm.

a).....

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này "

Theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 mức hình phạt tù từ 02 năm đến 07 năm, cao hơn so với mức hình phạt tù từ 02 năm đến 06 năm quy định tại khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015. Căn cứ vào những quy định có lợi cho bị cáo theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 là căn cứ để HĐXX áp dụng khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Đánh giá về tính chất, mức độ, hậu quả về hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến sức khỏe con người được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến trật tự trị an và an toàn xã hội. Mặc dù nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của các bị cáo do người bị hại cũng có lỗi vì anh L đã dùng thanh sắt đánh bị cáo H trước, nhưng bị cáo Đ không can ngăn lại dùng viên gạch bê tông ném và đập vào hông anh L, bị cáo H đã dùng 01 con dao chém vào mặt gây tổn hại sức khỏe cho anh L. Đây là vụ án có tính chất đồng phạm, tuy hành vi của mỗi bị cáo thực hiện khác nhau song về trách nhiệm hình sự các bị cáo cùng phải chịu chung với nhau về hậu quả. Bị cáo H là người khởi xướng và là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Đ là đồng phạm giúp sức nên hình phạt áp dụng đối với bị cáo H mức án cao hơn so với bị cáo Đ. Vì vậy cần xử lý nghiêm minh tương xứng với nhân thân và hành vi các bị cáo đã thực hiện nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy:

- Sau khi phạm tội, các bị cáo đã tác động cùng với gia đình bồi thường thiệt hại về sức khỏe và chi phí điều trị thương tích cho người bị hại. Vì vậy, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999;

- Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999;

- Các bị cáo đều đã có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, phục vụ trong lực lượng quân đội nhân dân Việt Nam; trong vụ án này người bị hại cũng có lỗi đồng thời người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, vì vậy các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

- Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Các bị cáo chưa có tiền án tiền sự, có nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, tích cực tham gia hoạt động đoàn thể ở địa phương. Căn cứ vào nhân thân các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự xử các bị cáo mức án dưới khung hình phạt và cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội dưới sự quản lý, giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng giáo dục như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình là phù hợp.

Đối với anh Đặng Phát Đ là người mà bị cáo H nhờ đến Công ty để đi xe của H về. Trước khi các bị cáo đánh nhau với anh Nguyễn Thành L thì H, Đ không bàn bạc gì với Đ. Khi H và Đ đánh anh L thì Đ đã đứng ra can ngăn, vì vậy Đặng Phát Đ không đồng phạm trong vụ án trên nên không xử lý đối với anh Đ là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự:

Ông Phạm Văn M (bố đẻ bị cáo Phạm Xuân Đ) và ông Lê Văn V (bố đẻ bị cáo Lê Văn H) và bà Bùi Thị M (mẹ đẻ anh Đặng Phát Đ) đã thỏa thuận và tự nguyện bồi thường cho anh Nguyễn Thành L tổng số tiền là 35.000.000 đồng, anh Nguyễn Thành L đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra giải quyết.

Về vật chứng vụ án:

- Cần chấp nhận việc Cơ quan Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã trả lại ông Phạm Văn M 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Air Blade, biển số 17B2-230.27; 01 chìa khóa xe máy và 01 đăng ký xe biển số 17B2-230.27 mang tên Phạm Xuân Đ và trả cho ông Lê Văn V 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 17B2-329.19; 01 chìa khóa xe máy và 01 đăng ký xe máy biển số 17B2-329.19 mang tên Lê Văn H.

- Đối với 01 thanh sắt hộp vuông (kích thước cạnh hộp 1cm, dài 1,3m) L sử dụng để đánh H và 01áo vải kẻ màu đỏ - đen trên cổ có gắn mác EVAS made in Việt Nam quản lý của H cần tịch thu để tiêu hủy.

- 01 điện thoại Iphone 5S màu vàng thu của Lê Văn H và 01 điện thoại Iphone 6 vỏ màu bạc quản lý của Phạm Xuân Đ là phương tiện các bị cáo liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu hóa giá sung quỹ nhà nước.

- Trả lại cho anh Đặng Phát Đ 01 điện thoại di động Sam sung màu đen và trả lại 01 điện thoại Q mobile Q200 cho anh Nguyễn Thành L là phù hợp.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn H, Phạm Xuân Đ phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

2. Hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 104(thuộc trường hợp quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999); điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20, Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn H 01(một) năm 06(sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 07/9/2017.

- Xử phạt bị cáo Phạm Xuân Đ 01(một) năm 03(ba) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 07/9/2017.

Giao các bị cáo Lê Văn H và Phạm Xuân Đ cho UBND xã H, huyện V, tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người

được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự ;
Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chấp nhận thỏa thuận của ông Phạm Văn M (bố đẻ Phạm Xuân Đ); ông Lê Văn V (bố đẻ Lê Văn H) và bà Bùi Thị M (mẹ đẻ anh Đặng Phát Đ) đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại là anh Nguyễn Thành L tổng số tiền là 35.000.000 đồng, anh Nguyễn Thành L đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu gì khác nên không đặt ra giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy 01 thanh sắt hộp vuông (kích thước cạnh hộp 01cm, dài 1,3m) và 01áo vải kẻ màu đỏ - đen trên cổ có gắn mác EVAS made in Việt Nam.

- Tịch thu 01 điện thoại Iphone 5S màu vàng, đã qua sử dụng; 01 điện thoại Iphone 6 vỏ màu bạc, đã qua sử dụng để hóa giá sung quỹ nhà nước.

- Trả lại cho anh Đặng Phát Đ 01 điện thoại di động Sam sung màu đen đã qua sử dụng và trả lại cho anh Nguyễn Thành L 01 điện thoại Q mobile Q200, vỏ màu đen, đã qua sử dụng.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/8/2017 tại chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình)

- Chấp nhận việc cơ quan Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình đã trả lại ông Phạm Văn M 01chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Air Blade, biển số 17B2-230.27; 01 chìa khóa xe máy và 01 đăng ký xe biển số 17B2-230.27 mang tên Phạm Xuân Đ và trả cho ông Lê Văn V 01chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 17B2-329.19; 01 chìa khóa xe máy và 01 đăng ký xe máy biển số 17B2-329.19 mang tên Lê Văn H.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Văn H, Phạm Xuân Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 07/9/2017. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông M, ông V, bà M) có quyền kháng cáo bản án những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 07/9/2017. Anh Đặng Phát Đ là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Công an thành phố Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Phòng PC81;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Hồng Sơn

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Công an thành phố Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Phòng PC81;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Hồng Sơn